

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 241 /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới,
thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng**

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác;

Căn cứ Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng tại Tờ trình số 251 /TTr-TM ngày 13 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 08 thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Bãi bỏ 06 thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý vùng trời được công bố tại STT 1, 2, 12, 13, 14, 15 Mục VI Quyết định số 6225/QĐ-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công bố Bộ thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Điều 3. Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Lãnh đạo BQP (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Cục Tác chiến/BTTM;
- Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng/BTTM;
- VPBQP: CVP, PCVP (CCHC),
Cổng TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, NC, CCHC. S135.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Lê Huy Vịnh

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÍ MẬT BỘ LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÙNG TRỜI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-BQP ngày 16 tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính ban hành mới

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG		
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quản lý vùng trời	Bộ Quốc phòng (Cục Quản lý công nghệ/Tổng cục Công nghiệp quốc phòng)
2	Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quản lý vùng trời	Bộ Quốc phòng (Cục Quản lý công nghệ/Tổng cục Công nghiệp quốc phòng)
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quản lý vùng trời	Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh: Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố)
4	Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quản lý vùng trời	Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh: Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố)

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	Thủ tục cấp phép bay	Quản lý vùng trời	Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến/BTTM; các Quân khu; Bộ Tư lệnh: Thủ đô Hà Nội thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố)
6	Thủ tục cấp Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quản lý vùng trời	Bộ Quốc phòng (Quân chủng PK-KQ)
7	Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quản lý vùng trời	Bộ Quốc phòng (Quân chủng PK-KQ)
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	Thủ tục chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quản lý vùng trời	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố

2. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.013558	Thủ tục cấp lại Giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ	- Nghị định số 228/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ - Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến/BTTM
2	1.013557	Thủ tục cấp đổi Giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo	- Nghị định số 228/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến/BTTM

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		duỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ	của Chính phủ - Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng		
3	1.013556	Thủ tục cấp Giấy phép cho cơ sở thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ	- Nghị định số 228/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ - Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến/BTTM
4	1.013555	Thủ tục cấp Giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ	- Nghị định số 228/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ - Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến/BTTM
5	1.013273	Thủ tục sửa đổi phép bay đối với tàu bay không người lái và các tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ	- Nghị định số 228/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ - Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến/BTTM
6	1.013272	Thủ tục cấp phép bay đối với tàu bay không người lái và các tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ	- Nghị định số 228/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ - Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến/BTTM

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ theo hình thức trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ Bộ Quốc phòng có văn bản kèm theo hồ sơ gửi Bộ Công an và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan có văn bản trả lời.

Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Công an và các cơ quan có liên quan, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay, trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác và gửi 01 bản tới cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác hoạt động và Bộ Công an để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Quốc phòng thông báo bằng văn bản hoặc qua thư điện tử để cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác hoàn thiện hồ sơ; thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký, cấp phép theo quy định của pháp luật: 01 bản sao hợp lệ.

- Danh sách nhân sự chuyên môn về hàng không kèm theo bằng (hoặc chứng chỉ tương ứng): 01 bản sao hợp lệ.

- Hồ sơ tài liệu mô tả hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác: 01 bản sao hợp lệ.

- Danh mục loại tàu bay không người lái và phương tiện bay khác nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng và các hồ sơ, tài liệu về hợp chuẩn, hợp quy của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (trừ các tàu bay không người lái và phương tiện bay khác đang nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm).

- Bảng thông số kỹ thuật của từng loại tàu bay không người lái và phương tiện bay khác do cơ sở sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng; thông số kỹ thuật cơ bản đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay khác đang nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm: 01 bản sao hợp lệ.

- Trường hợp các tổ chức, cá nhân, người nước ngoài đã tích hợp các thông tin và các cơ quan quản lý nhà nước hoàn thành việc kết nối, chia sẻ thông tin trên môi trường điện tử thì không cần các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- 10 ngày làm việc cho Bộ Quốc phòng.

- 05 ngày làm việc cho Bộ Công an.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Quốc phòng (Tổng cục Công nghiệp quốc phòng).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Quốc phòng (Cục Quản lý công nghệ/Tổng cục Công nghiệp quốc phòng).

- Cơ quan phối hợp: Bộ Công an.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Lệ phí: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được đăng ký, cấp phép theo quy định của pháp luật.
- Chủ cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.
- Có ít nhất 03 nhân sự được đào tạo các chuyên ngành về kỹ thuật hàng không; nhân sự phụ trách chuyên môn của các chuyên ngành nêu trên phải có trình độ cao đẳng trở lên.
- Có hồ sơ, tài liệu về hạ tầng kỹ thuật, sản phẩm mẫu (nếu có) chứng minh đủ năng lực nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phù hợp với loại tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.
- Có hồ sơ, tài liệu thể hiện quy trình nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; nhà xưởng, sân bãi và các loại vật liệu sử dụng phù hợp với loại tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.
- Cung cấp danh mục loại tàu bay không người lái và phương tiện bay khác sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng và các hồ sơ, tài liệu của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Quốc phòng ban hành hoặc tiêu chuẩn cơ sở được Bộ Quốc phòng công nhận.
- Điểm a, b, c, d và điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ không áp dụng đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024.

- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Mẫu số 02

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác(1)

Kính gửi: Bộ Quốc phòng (Tổng cục Công nghiệp quốc phòng)

Cơ sở sản xuất (*tên giao dịch hợp pháp*):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thông tin chủ sở hữu:

Họ và tên: Quốc tịch:

Ngày/tháng/năm sinh:/...../.....

Số định danh cá nhân (hoặc Hộ chiếu).....Ngày cấp:..... đơn vị cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư) số: do cấp ngày tháng năm

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm):

Số lượng nhân sự chuyên môn về hàng không:

Căn cứ Nghị định số: 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

1. Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện: **(2)**

2. Hồ sơ gửi kèm theo: **(3)**

(tên của Cơ sở) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

Hướng dẫn

(1), (2) Chỉ ghi những nội dung hoạt động Cơ sở đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh);

(3) Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1. Bản sao hợp lệ Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với người nước ngoài) của Chủ cơ sở (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).
2. Danh sách các thiết bị sản xuất và thiết bị kiểm tra.
3. Danh sách kèm theo bằng (hoặc chứng chỉ) ngành nghề của nhân sự chuyên môn về kỹ thuật hàng không (bản sao).
4. Sơ đồ mặt bằng nhà xưởng, khu vực thử nghiệm (nếu có).
5. Quy trình thiết kế, chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, sản xuất, kiểm tra.
6. Tài liệu khác (các bộ tiêu chuẩn áp dụng, bằng sáng chế, kết quả nghiên cứu được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, công nhận, sản phẩm mẫu (nếu có))
7. Danh mục loại tàu bay không người lái và phương tiện bay khác nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng kèm theo bảng thông số kỹ thuật tương ứng.

2. Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ theo hình thức trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ Bộ Quốc phòng có văn bản kèm theo hồ sơ (trường hợp thay đổi nội dung thông tin trong giấy phép) gửi xin ý kiến Bộ Công an.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản trả lời.

Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, đồng thời gửi 01 bản tới cơ quan đăng ký kinh doanh và Bộ Công an. Trường hợp không cấp đổi, cấp lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Quốc phòng thông báo bằng văn bản hoặc qua thư điện tử và nêu rõ lý do để cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác hoàn thiện hồ sơ; thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; đơn trình báo mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện (trường hợp cấp lại).

- Hồ sơ, tài liệu chứng minh sự thay đổi trường hợp có thay đổi nội dung quy định tại điểm c, d, đ và điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian giải quyết: 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- 06 ngày làm việc cho Bộ Quốc phòng.

- 03 ngày làm việc cho Bộ Công an.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Quốc phòng (Tổng cục Công nghiệp quốc phòng).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Quốc phòng (Cục Quản lý công nghệ/Tổng cục Công nghiệp quốc phòng).

- Cơ quan phối hợp: Bộ Công an.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Lệ phí: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép bị hư hỏng hoặc cần thay đổi nội dung thông tin trong giấy phép; được cấp lại trong trường hợp bị mất.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024.

- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Mẫu số 03

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi (cấp lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác(1)

Kính gửi: Bộ Quốc phòng (Tổng cục Công nghiệp quốc phòng)

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Họ và tên người đại diện: Quốc tịch:

Ngày/tháng/năm sinh:...../...../

Số định danh cá nhân (hoặc Hộ chiếu)..... Ngày cấp: đơn vị cấp:

Chức danh: Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư) số:do cấp ngày tháng năm

Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (2) số:....ngày.... tháng.... năm

1. Đề nghị Bộ Quốc phòng xem xét cấp đổi (cấp lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện (2) như sau:

a) Thông tin cũ:

b) Thông tin mới:

2. Lý do (lý do xin cấp đổi hoặc cấp lại):

3. Hồ sơ kèm theo: **(3)**

(tên của Cơ sở) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;

Hướng dẫn

(1), (2) Chỉ ghi những nội dung hoạt động Cơ sở đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

(3) Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

** Trường hợp cấp đổi.*

1. Bản sao hợp lệ Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với người nước ngoài) của Chủ cơ sở (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

3. Hồ sơ, tài liệu chứng minh sự thay đổi trường hợp có thay đổi nội dung quy định tại điểm c, d, đ và điểm e khoản 2 Điều 11.

** Trường hợp cấp lại.*

1. Bản sao hợp lệ Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với người nước ngoài) của Chủ cơ sở.

2. Đơn trình báo về việc mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện (trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện) hoặc văn bản chứng minh đã khắc phục những tồn tại là nguyên nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện (đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận).

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ cơ sở có hoạt động kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ đến Bộ Quốc phòng (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố) theo hình thức trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ; Bộ Quốc phòng có văn bản kèm theo hồ sơ gửi xin ý kiến Bộ Công an.

Bước 3: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản trả lời gửi Bộ Quốc phòng; trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ sở kinh doanh đồng thời gửi Bộ Công an 01 bản để phối hợp quản lý; trường hợp không cấp Bộ Quốc phòng trả lời bằng văn bản hoặc qua thư điện tử và nêu rõ lý do.

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc Bộ Quốc phòng yêu cầu chủ cơ sở kinh doanh hoàn thiện hồ sơ; thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Bộ Quốc phòng.

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác của chủ cơ sở kinh doanh theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 01 bản sao hợp lệ.

- Danh mục loại tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

- Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài và người nước ngoài kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác tại Việt Nam ngoài các văn bản quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ phải có Bản

khai nhân sự kèm theo bản sao hợp lệ Hộ chiếu, Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Thị thực còn thời hạn lưu trú tại Việt Nam.

- Trường hợp các tổ chức, cá nhân, người nước ngoài đã tích hợp các thông tin và các cơ quan quản lý nhà nước hoàn thành việc kết nối, chia sẻ thông tin trên môi trường điện tử thì không cần các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian giải quyết: 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- 06 ngày làm việc cho Bộ Quốc phòng.

- 05 ngày làm việc cho Bộ Công an.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Quốc phòng (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Quốc phòng (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố).

- Cơ quan phối hợp: Bộ Công an.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Lệ phí: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Phải lưu trữ hồ sơ của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; hồ sơ của tổ chức, cá nhân mua, thuê tàu bay không người lái và phương tiện bay khác và phải cung cấp thông tin về tàu bay

không người lái và phương tiện bay khác, người mua, thuê tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khi có yêu cầu của cơ quan quân sự, công an.

3. Đối với kinh doanh dịch vụ cho thuê tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, kinh doanh cung cấp dịch vụ bay ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

4. Điều kiện quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 14 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ không áp dụng đối với cơ sở do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024.
- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.
- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Mẫu số 04

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

.....(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số CV (nếu có):
 V/v đề nghị cấp Giấy chứng
 nhận đủ điều kiện kinh
 doanh

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (2).....

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.

Tên cơ sở kinh doanh:

Địa chỉ:; Số điện thoại cố định:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy tờ khác có giá trị tương đương) số...do ... (*tên cơ quan cấp*)... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

Thời hạn hoạt động của cơ sở kinh doanh (nếu có)

Đề nghị (2).....cấp (cấp mới/cấp đổi/cấp lại)

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, nghề:

Lý do đề nghị cấp:

Địa điểm kinh doanh tại:

Người đại diện theo pháp luật: (ông/bà)

Sinh ngày:thángnăm; quốc tịch

Số định danh cá nhân (hoặc Hộ chiếu) số:;

cấp ngàythángnăm.....; cơ quan cấp:.....;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

Chức danh trong cơ sở kinh doanh:

Chúng tôi xét thấy cơ sở kinh doanh của chúng tôi đã đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu và nội các tài liệu có trong bộ hồ sơ gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

Vậy đề nghị (2)..... giải quyết./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:
(thống kê tài liệu gửi kèm theo)

CHỦ CƠ SỞ KINH DOANH
(Ký tên; đóng dấu - nếu có)

Hướng dẫn

(1) Tên cơ sở kinh doanh.

(2) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố).

4. Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ cơ sở kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 16 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ tới Bộ Quốc phòng.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ Bộ Quốc phòng cấp đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ sở kinh doanh; trường hợp không cấp Bộ Quốc phòng trả lời bằng văn bản hoặc qua thư điện tử và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trường hợp có thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi về tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, Bộ Quốc phòng phối hợp xin ý kiến Bộ Công an trước khi cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ sở kinh doanh, đồng thời gửi 01 bản Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp đổi tới Bộ Công an để phối hợp quản lý.

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc Bộ Quốc phòng yêu cầu cơ sở kinh doanh hoàn thiện hồ sơ; thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, gồm:

- Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

- Bản sao hợp lệ các tài liệu chứng minh sự thay đổi của các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (nếu có).

- Tài liệu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP của Chính phủ trong trường hợp thay đổi tàu bay không người

lái và phương tiện bay khác, trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác đã được cấp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại, gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác của cơ sở kinh doanh theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

- Biên lai nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Đơn trình báo mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện).

- Hồ sơ đối với trường hợp cấp lại sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện như hồ sơ cấp mới, sau ít nhất 12 tháng tính từ thời điểm ra quyết định thu hồi.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố)

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: (Bộ Tư lệnh: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố).

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Lệ phí: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người

lái và phương tiện bay khác theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác được cấp đổi trong trường hợp bị hư hỏng, có thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc hết thời hạn sử dụng.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị thu hồi.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024.
- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.
- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Mẫu số 05

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

.....(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số CV (nếu có): , ngày ... tháng ... năm
V/v đề nghị cấp đổi (cấp lại)
Giấy chứng nhận đủ điều
kiện kinh doanh

Kính gửi: (2).....

Thực hiện Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

1. Tên tổ chức (doanh nghiệp):

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số điện thoại: số fax:

Địa chỉ giao dịch:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy tờ khác có giá trị tương đương) số...do ... (tên cơ quan cấp)... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác số ...cấp lần đầu ngày tháng ... năm...(cấp lại lần thứ ngày ... tháng ... năm...).

Đề nghị cấp đổi (cấp lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác cho (tên doanh nghiệp, tổ chức) thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác số cấp ngày ... tháng ... năm

5. Lý do đề nghị cấp đổi (cấp lại):

6. Hồ sơ kèm theo gồm có: (3).....

7. Doanh nghiệp (hoặc tổ chức) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trong văn bản và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Hướng dẫn

(1) Tên cơ sở kinh doanh.

(2) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (Bộ Tư lệnh: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố).

Thành phần hồ sơ

**** Trường hợp cấp đổi***

1. Bản sao hợp lệ các tài liệu chứng minh sự thay đổi của các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).

2. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP trong trường hợp thay đổi tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

3. Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác đã được cấp.

**** Trường hợp cấp lại***

1. Biên lai nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật (nếu có);

2. Đơn trình báo mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

5. Thủ tục cấp phép bay

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tối thiểu 07 ngày, trước ngày thực hiện chuyến bay, người khai thác gửi 01 bộ hồ sơ hình thức trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua cổng Dịch vụ công quốc gia đến 01 cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đối với chuyến bay có ảnh hưởng, hạn chế khai thác liên quan đến đường hàng không, phương thức bay, sân bay đã được công bố phải phát điện văn thông báo hàng không (NOTAM), thời gian gửi hồ sơ đề nghị cấp phép bay đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép bay trước ít nhất 12 ngày so với ngày thực hiện chuyến bay.

- Đối với chuyến bay trong khu vực vùng trời khu vực biên giới, thời gian gửi hồ sơ đề nghị cấp phép bay đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép bay trước ít nhất 07 ngày so với ngày phải thông báo cho nước có chung đường biên giới theo quy định tại Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với nước có chung đường biên giới.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép bay cho người khai thác. Trường hợp không cấp phép bay toàn bộ hoặc một phần khu vực bay theo đề nghị, cơ quan có thẩm quyền cấp phép bay trả lời bằng văn bản (hoặc qua thư điện tử) và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép bay thông báo bằng văn bản (hoặc qua thư điện tử) để người khai thác hoàn thiện hồ sơ; thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền cấp phép bay có trách nhiệm gửi phép bay đã cấp tới cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan Quân sự, cơ quan Công an, cơ sở điều hành bay, tổ chức, cá nhân liên quan trong khu vực có hoạt động của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; thời gian gửi đồng thời với thời gian gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp phép.

** Không áp dụng thời hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp phép bay đối với các chuyến bay thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn - cứu hộ trong tình thế cấp thiết.*

Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép bay theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tài liệu chứng minh tính hợp pháp của hoạt động bay: Văn bản cấp phép hoặc đồng ý, phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động, sự kiện bắt buộc phải có cấp phép hoặc chấp thuận của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài đến Việt Nam sử dụng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác phải có bảo lãnh của cơ quan hoặc tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.

- Sơ đồ khu vực bay đối với hoạt động bay theo tuyến hoặc trong khu vực giới hạn bởi nhiều điểm hình đa giác.

- Đối với hoạt động bay trong khu vực cấm bay ngoài các văn bản quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này phải có các văn bản chứng minh sự phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 19 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến/BTTM; Cấp Quân khu; Bộ Tư lệnh: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố) cấp phép đối với hoạt động bay của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác trong vùng trời, vùng thông báo bay của Việt Nam trừ tàu bay không người lái và phương tiện bay khác của Bộ Công an.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến/BTTM; Cấp Quân khu; Bộ Tư lệnh: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố).

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo.

Lệ phí: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp phép bay theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Tàu bay không người lái và phương tiện bay khác phải có Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời còn hiệu lực.

2. Người trực tiếp điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác phải đủ 18 tuổi trở lên, trừ trường hợp người điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác có trọng lượng cất cánh tối đa nhỏ hơn 0,25 ki-lô-gam; trong máu, hơi thở không có nồng độ cồn, ma túy, chất gây ngủ, các chất bị cấm theo quy định của pháp luật.

3. Người trực tiếp điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác có trọng lượng cất cánh tối đa từ 0,25 ki-lô-gam trở lên phải có Giấy phép điều khiển bay quan sát bằng trực quan; trường hợp điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác có trọng lượng cất cánh tối đa từ 2 ki-lô-gam trở lên, bay ngoài tầm nhìn trực quan, bay theo chương trình cài đặt sẵn thông qua bộ điều khiển trung tâm phải có Giấy phép điều khiển bay quan sát bằng thiết bị do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc bằng, chứng chỉ quốc tế được Bộ Quốc phòng công nhận.

4. Trường hợp một người điều khiển đồng thời từ 02 tàu bay không người lái và phương tiện bay khác trở lên, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 19 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ thì phải chứng minh được khả năng của công nghệ đáp ứng được các yêu cầu đảm bảo an toàn khi bay, thể hiện trong thông số kỹ thuật của hệ thống vận hành thiết bị bay; bay xếp hình, xếp chữ, biểu diễn ánh sáng nghệ thuật trên không phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng ý hoặc phê duyệt.

5. Người trực tiếp điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác phục vụ hoạt động thể thao, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ phải đáp ứng các điều kiện bổ sung theo quy định của pháp luật lĩnh vực thể dục, thể thao.

6. Người nước ngoài trực tiếp điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác tại Việt Nam ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 19 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ phải có đại diện cơ quan hoặc tổ chức, cá nhân là người Việt Nam bảo lãnh.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024.
- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.
- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Mẫu số 06

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP BAY

Kính gửi: **(1)**.....

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác; Đề nghị cơ quan cấp phép hoạt động bay cho loại tàu bay không người lái và phương tiện bay khác sau:

1. Thông tin tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép bay.

- Tên tổ chức (cá nhân); mã số thuế:
- Họ và tên (người đại diện theo pháp luật):ngày/tháng/năm sinh...
- Số định danh cá nhân (Hộ chiếu):
- Địa chỉ:
- Quốc tịch:
- Điện thoại: Fax: Email:

2. Giấy chứng nhận đăng ký (đăng ký tạm thời) tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

- Loại tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, tên gọi:
- Số xuất xưởng:
- Số đăng ký (đăng ký tạm thời):ngày cấp....../.../năm ...

Đơn vị cấp:

3. Thông số kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

- Trọng lượng cất cánh tối đa:
- Kích thước: Dài - Rộng - Cao
- Loại động cơ (nếu có): (điện, xăng)
- Tần số làm việc của thiết bị vô tuyến điện (nếu có):

- Phương pháp điều khiển thiết bị bay: (bằng thiết bị điều khiển xa vô tuyến, qua bộ điều khiển trung tâm, thủ công)

4. Mục đích bay:

5. Kích thước khu vực vùng trời tổ chức bay: (địa danh, xã-tỉnh; tọa độ: độ-phút-giây/hệ tọa độ WGS-84):...

6. Số ngày và thời gian tổ chức bay (giờ, ngày, tháng, năm):

7. Sân bay (hoặc tên khu vực mặt đất, mặt nước) bảo đảm cho việc cất cánh, hạ cánh (địa danh, tọa độ):

8. Thông tin người điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác:

- Họ và tên: ngày/tháng/năm sinh

- Số định danh cá nhân, (Hộ chiếu):

- Số điện thoại liên hệ:

- Số Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác: ngày cấp.../.../..... năm

9. Tài liệu gửi kèm theo đơn: **(2)**

(tên của chủ thể đề nghị cấp phép) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày tháng năm
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

(Trường hợp là cá nhân chỉ ký và ghi rõ họ tên kèm theo bản sao hợp lệ Hộ chiếu còn hiệu lực)

Hướng dẫn

(1) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó:

- Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh tiếp nhận, cấp phép bay độ cao $\leq 50\text{m}$ so với địa hình trong địa giới hành chính tỉnh;

- Cấp Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận, cấp phép bay độ cao $\leq 120\text{ m}$ so với địa hình và độ cao $\leq 50\text{m}$ trên địa bàn 2 tỉnh trở lên thuộc Quân khu;

- Cục Tác chiến tiếp nhận, cấp phép bay trong vùng trời, vùng FIR của Việt Nam.

* Trường hợp người điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác là người nước ngoài thì kèm theo văn bản bảo lãnh của tổ chức, cá nhân Việt Nam bảo lãnh cho người nước ngoài sử dụng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác tại Việt Nam.

(2) Tài liệu gửi kèm theo đơn:

1. Sơ đồ khu vực bay (trường hợp bay trong khu vực gồm nhiều điểm nối thành hình đa giác hoặc bay theo tuyến).
2. Tài liệu chứng minh tính hợp pháp của hoạt động bay (trường hợp hoạt động bay phải được phê duyệt hoặc đồng ý của cơ quan có thẩm quyền).

6. Thủ tục cấp Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

Trình tự thực hiện: Sau khi kiểm tra, sát hạch cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ, danh sách, kết quả kiểm tra và quyết định trúng tuyển của người học gửi đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác thuộc Bộ Quốc phòng (Quân chủng Phòng không-Không quân).

Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp (Quân chủng Phòng không - Không quân).

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị.
- Hồ sơ, danh sách, kết quả kiểm tra và quyết định trúng tuyển của người học.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quân chủng Phòng không - Không quân.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Tham mưu/Quân chủng Phòng không - Không quân.
- Cơ quan phối hợp: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người học được cấp Giấy phép điều khiển bay bằng trực quan (Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác Hạng A) khi hoàn thành nội dung chương trình đào tạo lý thuyết kiến thức về hàng không, kết quả kiểm tra đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo;
- Người học được cấp Giấy phép điều khiển bay bằng thiết bị (Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác Hạng B) khi hoàn thành nội dung chương trình đào tạo lý thuyết kiến thức về hàng không và thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, kết quả kiểm tra, sát hạch đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo;

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024.

- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.

- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

7. Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

Trình tự thực hiện:

- Người có Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (sau đây gọi chung là người có giấy phép) cần cấp đổi, cấp lại nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ đến cơ quan có thẩm quyền cấp đổi, cấp lại Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác;

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp đổi, cấp lại Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác cho người có giấy phép. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền cấp đổi, cấp lại thông báo bằng văn bản (hoặc qua thư điện tử) hướng dẫn người có giấy phép hoàn thiện hồ sơ.

Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp (Quân chủng Phòng không - Không quân).

Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ cấp đổi gồm

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

- Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác đã được cấp.

2. Hồ sơ cấp lại gồm

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

- Đơn trình báo về việc mất Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

- Bản sao hợp lệ hồ sơ của cơ sở đào tạo.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quân chủng Phòng không - Không quân.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Tham mưu/Quân chủng Phòng không - Không quân.

- Cơ quan phối hợp: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Lệ phí: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác được cấp đổi trong trường hợp bị hư hỏng, hết hạn; được cấp lại trường hợp bị mất.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024.
- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.
- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Mẫu số 08

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi (cấp lại) Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

Kính gửi: Bộ Quốc phòng (Quân chủng Phòng không-Không quân).

Họ và tên Quốc tịch

Ngày/tháng/năm sinh:/...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số định danh cá nhân (hoặc Hộ chiếu): ... Cấp ngày: .../.../..., Nơi cấp:

Đã được cấp Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác(2) Số: ngày.... tháng.... năm

1. Đề nghị xem xét cấp đổi (cấp lại) Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (1)

2. Lý do (lý do xin cấp đổi hoặc cấp lại):.....

3. Hồ sơ kèm theo: (2)

(tên của Cơ sở) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

Hướng dẫn

(1) Chỉ ghi tên Cơ sở cấp Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

(2) Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

** Trường hợp cấp đổi.*

1. Bản sao hợp lệ Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với người nước ngoài) của Chủ thể đề nghị cấp đổi (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).

2. Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác đề nghị đổi (bản chính).

** Trường hợp cấp lại.*

1. Bản sao hợp lệ Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với người nước ngoài) của Chủ thể đề nghị cấp lại.

2. Đơn trình báo về việc mất Giấy phép điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

3. Bản sao hồ sơ liên quan của cơ sở đào tạo.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 7 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo hình thức trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo hồ sơ của tổ chức, cá nhân gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản trả lời gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định việc cấp phép theo quy định và gửi thông tin về việc cấp phép cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và cập nhật giấy phép trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trường hợp không cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân: 01 bản chính theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác: 01 bản sao hợp lệ.

3. Hình ảnh tổng quan và ảnh ký hiệu, số xuất xưởng (nếu có) của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (khô A4).

4. Bảng thông số kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác do nhà sản xuất cung cấp 01 bản sao hợp lệ.

5. Danh mục các trang bị, thiết bị riêng lẻ cấu thành tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

6. Hồ sơ hoặc tài liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, trừ trường hợp tạm xuất tái nhập.

7. Trường hợp nhập khẩu theo hình thức ủy thác phải có văn bản, thỏa thuận giữa bên ủy thác và nhận ủy thác; bên ủy thác nhập khẩu phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

8. Trường hợp các tổ chức, cá nhân, người nước ngoài đã tích hợp các thông tin và các cơ quan quản lý nhà nước hoàn thành việc kết nối, chia sẻ thông tin trên môi trường điện tử thì không cần các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian giải quyết: 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- 06 ngày làm việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

- 05 ngày làm việc cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

Lệ phí: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác theo Mẫu số 01, Mẫu số 01a Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Không bị xử lý hình sự liên quan đến các hành vi sử dụng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác để gây hại tới quốc phòng, an ninh; trật tự an toàn xã hội và an toàn bay.

- Không có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024.

- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Mẫu số 01

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Nhập khẩu (2)**

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố...

Tên thương nhân

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Email:

Người đại diện chức danh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư) số: do cấp ngày tháng năm

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.

1. Đề nghị Quý Cơ quan xem xét cấp phép nhập khẩu **(1)**....., thông tin cụ thể như sau:

- Tên loại hàng hóa, mã HS

- Số lượng:

- Nhà sản xuất (hoặc quốc gia)

- Model

- Trọng lượng cất cánh tối đa (áp dụng đối nhập khẩu với tàu bay)

- Tần số làm việc của thiết bị (nếu có)

- Thời gian bay liên tục cho 01 lần bay (áp dụng đối nhập khẩu với tàu bay)

- Đáp ứng tiêu chuẩn: **(3)**

- Mục đích sử dụng:

2. Hồ sơ kèm theo: **(4)**

(tên của Cơ sở) xin cam kết sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích và chấp hành đúng quy định của pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an.
- Lưu:

Hướng dẫn

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan đề nghị nhập khẩu.

(2) “Nhập khẩu,... (tên loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác *hoặc* động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác

(3) Các tiêu chuẩn tàu bay không người lái và phương tiện bay khác đáp ứng.

(4) Hồ sơ kèm theo:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh: 01 bản sao có đóng dấu của thương nhân (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).

2. Hình ảnh tổng quan và ảnh ký hiệu, số xuất xưởng (nếu có) của từng loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác (khổ A4).

3. Bảng thông số kỹ thuật của tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác do nhà sản xuất cung cấp (bản sao).

4. Danh mục các trang thiết bị riêng lẻ cấu thành tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.

5. Hồ sơ (hoặc tài liệu) về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

- Chứng nhận xuất xứ sản phẩm, Chứng nhận chất lượng hàng hoá (nếu có).

Mẫu số 01a

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----

Số: , ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố....

- Tên tổ chức (hoặc thương nhân):
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... số fax: ...
- Địa chỉ website (nếu có):
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm...
- Mã số tạm nhập, tái xuất (nếu có):...

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác:

STT	Mặt hàng	Mã HS	số lượng	Tiêu chuẩn đáp ứng

- Công ty nước ngoài bán hàng:
- + Theo hợp đồng nhập khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...
- + Cửa khẩu nhập hàng:
- Công ty nước ngoài mua hàng:
- + Theo hợp đồng xuất khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...
- + Cửa khẩu xuất hàng:

Tổ chức (Thương nhân) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các

giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm nhập, tái xuất hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm theo:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh: 01 bản sao có đóng dấu của thương nhân (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).
2. Hình ảnh tổng quan và ảnh ký hiệu, số xuất xưởng (nếu có) của từng loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác (khổ A4) đối với trường hợp tạm nhập tái xuất.
3. Bảng thông số kỹ thuật của từng loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác do nhà sản xuất cung cấp (bản sao) đối với trường hợp tạm nhập tái xuất.
4. Danh mục các trang thiết bị riêng lẻ cấu thành tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.
5. Hồ sơ (hoặc tài liệu) về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.